

THU THẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

● NGUYỄN THỊ THU THỦY

TÓM TẮT:

Nếu như chứng cứ là yếu tố cốt lõi của toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc dân sự thì đánh giá chứng cứ là một hoạt động nhằm khai thác các giá trị của chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Bài viết phân tích các khía cạnh của hoạt động đánh giá chứng cứ từ thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong một số vụ việc cụ thể.

Từ khóa: tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ.

1. Đặt vấn đề

Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, trong đó đương sự có yêu cầu tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trong trường hợp đương sự đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập tài liệu, mà không thu thập được chứng cứ thì có thể đề nghị tòa án ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp cho mình hoặc đề nghị tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ¹. Ngoài ra, khi xét thấy cần thiết, tòa án ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ cung cấp tài liệu cho tòa án².

Tuy nhiên, trong nhiều vụ việc, hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ cho thấy còn có nhiều

vấn đề bất cập. Bài viết tập trung phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến thu thập và đánh giá chứng cứ từ một vụ việc cụ thể.

2. Các khía cạnh pháp lý liên quan đến thu thập và đánh giá chứng cứ từ một vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản là tiền bồi hoàn đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời vật kiến trúc và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Nội dung vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản là tiền bồi hoàn đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời vật kiến trúc và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: nguyên đơn là bà X đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng 4.243,3 m² do chính quyền chế độ cũ cấp năm 1944 cho cha của bà là ông Ngô Văn Kh1. Năm 1985, bà X chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ngô Thị Q và ông Lê Hồng S2 diện tích khoảng 2.000m², có làm giấy tay nhưng đã bị thất lạc. Diện tích phần đất

bán cho bà Q cách nhà các hộ dân ở, nằm ở phía sau cách Quốc lộ 91 khoảng 25m. Bà Q lại kê khai toàn bộ gồm cả diện tích đất của bà X nằm ở phía ngoài giáp Quốc lộ 91 và được Ủy ban nhân dân huyện TB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số 02778/hK ngày 27/11/2001, thửa số 273, 274, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.004m² (theo bản trích đo địa chính ngày 29/1/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TB thì toàn bộ diện tích đất nêu trên theo đo đạc thực tế là 5.463m²). Sau khi được cấp giấy, bà Q chuyển nhượng lại một phần cho 5 hộ khác. Nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc bà Q phải trả lại cho bà diện tích 2.243.3m², vì đất của bà là 4.243.3m² mà bà chỉ chuyển nhượng cho bà Q 2.000m², yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trên cơ sở chuyển nhượng lại của bà Q. Ngày 21/3/2019, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tòa án buộc bà Ngô Thị Q trả lại diện tích 3.463m² theo đo đạc thực tế.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình bằng khoán điền thổ số 446 ngày 03/01/1944 của chế độ cũ cấp cho ông Ngô Văn C1 (cha của ông Ngô Văn Kh1).

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X với lý do chồng bà Q là ông S2 trực tiếp mua đất với bà X, bà X trực tiếp chỉ mốc ranh sát mép lộ chạy vào đất ông Tống, phía bên kia cũng từ mép lộ sát vào phía sau đất ông ba Ch. Bà Q đã xuất trình tờ bán đứt miếng đất ruộng lập ngày 05/6/1985 và đã được thẩm phán Phạm Tấn T6 ký xác nhận đã đối chiếu bản gốc ngày 05/5/2016.

Các vấn đề đặt ra:

Thứ nhất là về vấn đề giao nộp và thu thập chứng cứ của đương sự.

Trong vụ việc này, cùng với đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình bằng khoán điền thổ 446 do chính quyền chế độ cũ cấp năm 1944 với diện tích 3.463m². Tuy nhiên, bản trích đo địa chính ngày 29/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TP không thể hiện vị trí, ranh giới, kích thước tứ cận của diện tích đất tranh chấp 3.463m² trong tổng diện tích đất đo đạc thực tế 5.463m². Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nhằm làm rõ

đất tranh chấp có nằm trong diện tích đất thuộc bằng khoán điền thổ số 446 ngày 03/01/1944 trên hay không.

Tờ bán miếng đất ruộng lập ngày 05/6/1985 do bà Q xuất trình có hai người làm chứng là ông Đặng Văn V, ông Ngô Văn T7 nhưng cả hai ông đều khai không có ký tên vào người chứng kiến. Hơn nữa, khi phía nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giám định chữ ký tên của bà Ngô Thị X tại tờ tài liệu này và nguyên đơn cũng đã nộp 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định và cung cấp các chữ ký của bà X để làm mẫu giám định theo yêu cầu của tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định yêu cầu nguyên đơn bà Ngô Thị X và các bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ phục vụ cho việc giám định nhưng không yêu cầu bị đơn phải cung cấp bản gốc tài liệu tờ tài liệu này để tiến hành giám định theo yêu cầu của nguyên đơn.

Thứ hai, về xác định chứng cứ.

Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định và được tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp³. Chứng cứ trong vụ án dân sự phải đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Tính khách quan của chứng cứ thể hiện ở chỗ chứng cứ là cái có thật, tồn tại độc lập, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Tính liên quan của chứng cứ là việc chứng cứ có liên quan mật thiết đến vụ, việc mà tòa án cần giải quyết và liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác. Tính hợp pháp của chứng cứ yêu cầu chứng cứ phải được thu thập, bảo quản, củng cố, nghiên cứu và đánh giá theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm đảm bảo giá trị của chứng cứ.

Như vậy, để xác định một tài liệu là chứng cứ cần đảm bảo các thuộc tính trên. Tờ bán đứt miếng đất ruộng mà bà Q xuất trình là văn bản được thẩm phán Phạm Tấn T6 ký xác nhận đã đối

chiếu bản gốc ngày 05/5/2016, do bị đơn xuất trình và nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giám định chữ ký tên của bà Ngô Thị X tại tờ tài liệu này. Tuy nhiên, dù chưa được giám định nhưng tòa án cấp sơ thẩm đã sử dụng tờ bán đứt miếng đất ruộng trên để làm chứng cứ, quyết định bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ.

Thứ ba, về hoạt động thu thập chứng cứ của tòa án.

Trong vụ việc này, tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X với lý do nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ, chứng minh ông Ngô Văn Kh1 được chia tại phần đất đang tranh chấp diện tích đất bao nhiêu và chưa chứng minh được đất đang tranh chấp có thuộc phần đất nằm trong bằng khoán số 446 ngày 03/01/1044 do chế độ cũ cấp hay không là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Bộ luật Tố tụng dân sự, trong tranh chấp dân sự, nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên có yêu cầu và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Trong trường hợp đương sự không tự mình thu thập được thì có quyền yêu cầu tòa án thu thập, tài liệu, chứng cứ. Trong trường hợp tòa án thấy cần thiết, tòa án sẽ yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu chứng cứ hoặc tự mình thu thập tài liệu, chứng cứ. Như vậy có thể thấy theo pháp luật tố tụng dân sự, nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ chứng minh của đương sự đóng vai trò quan trọng trong tố tụng dân sự, ảnh hưởng trực tiếp để khả năng được chấp nhận yêu cầu trước tòa án. Đây là sự phát triển của pháp luật tố tụng dân sự phù hợp với định hướng cải cách tư pháp, trong đó đề cao vai trò của các bên tranh chấp và đảm bảo nguyên tắc tranh tụng. Tuy nhiên, tòa án vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ bởi ảnh hưởng từ truyền thống tố tụng thẩm vấn đã được áp dụng trước đây, trong đó tòa án có trách nhiệm xác minh, thu thập chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án dân sự. Việc chuyển đổi mô hình xét xử sang kết hợp giữa thẩm vấn và tranh tụng cần một quá trình nhất định cho việc chuyển giao

nghĩa vụ sang các bên đương sự⁴. Ngoài ra, trình độ hiểu biết pháp luật của người dân còn hạn chế nên không thể biết những loại tài liệu, giấy tờ gì cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Bên cạnh đó, việc tiếp cận thông tin của người dân, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước còn hạn chế nên sự hỗ trợ của tòa án đối với thu thập tài liệu, chứng cứ là cần thiết.

Mặt khác, tòa án có nghĩa vụ chứng minh để làm sáng tỏ chân lý khách quan của vụ việc dân sự, để từ đó ban hành các quyết định, bản án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Pháp luật tố tụng dân sự mặc dù quy định nghĩa vụ chứng minh của đương sự đối với yêu cầu của mình nhưng cũng quy định về sự hỗ trợ của tòa án cũng như các trường hợp tòa án chủ động yêu cầu đương sự cung cấp thêm chứng cứ cần thiết hoặc tự mình thực hiện các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm mục đích đảm bảo quyền tiếp cận công lý của công dân.

Tuy nhiên, vai trò của tòa án trong việc thu thập chứng cứ hiện nay còn chưa rõ ràng. Cụ thể, việc xác định nghĩa vụ chứng minh của đương sự và trong trường hợp không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc⁵ phù hợp với nguyên tắc về quyền tự định đoạt của đương sự, buộc đương sự phải có trách nhiệm đối với yêu cầu mà mình đã đưa ra. Nhưng quy định này cũng tiềm ẩn nguy cơ chứng cứ của vụ việc không được thu thập một cách đầy đủ xuất phát từ các yếu tố như khả năng nhận thức các vấn đề pháp lý của đương sự, khả năng tiếp cận các nguồn thông tin (từ các bên trong tranh chấp, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác)... Các quy định về sự hỗ trợ của tòa án đối với các yêu cầu của đương sự trong thu thập và bảo vệ chứng cứ, yêu cầu bổ sung chứng cứ hoặc quyền tự mình thu thập các chứng cứ của tòa án nhằm đảm bảo việc thu thập chứng cứ của vụ án được đầy đủ. Trong trường hợp tòa án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự có thể được xem xét lại bằng các thủ tục tố tụng tiếp theo. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy

còn nhiều thẩm phán sai sót trong thu thập, đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ và toàn diện dẫn đến phán quyết của hội đồng xét xử bị sai sót⁶.

Như vậy, có thể thấy chế định về thu thập chứng cứ trong Bộ luật Tố tụng dân sự chưa bảo đảm được tính tích cực của tòa án trong việc hỗ trợ đương sự hoặc thực hiện các hoạt động theo thẩm quyền để đảm bảo việc thu thập và đánh giá chứng cứ được đầy đủ và chính xác.

Để đảm bảo hiệu quả của thu thập và đánh giá chứng cứ, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng đảm bảo sự tham gia tích cực của đương sự trong hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ cũng như tăng cường trách nhiệm của tòa án trong thu thập và đánh giá chứng cứ.

Thúc đẩy sự tham gia của đương sự vào quá trình tố tụng là một trong những yêu cầu của đảm bảo quyền tiếp cận công lý của công dân. Đương sự tham gia bằng việc thu thập, giao nộp chứng cứ có liên quan đến yêu cầu bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Pháp luật quy định đương sự có quyền tiếp cận thông tin về chứng cứ do tòa án thu thập được và chứng cứ do các đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức khác giao nộp cho tòa án, các chứng cứ được công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đây là quy định nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, tạo sự công bằng trong tiếp cận chứng cứ đối với đương sự để họ có sự chuẩn bị cần thiết cho việc tranh tụng với nhau tại phiên tòa, bởi trong phiên họp này cũng đánh giá việc thu thập chứng cứ đã đầy đủ hay chưa. Thực tiễn áp dụng cho thấy, quy định này đã góp phần tạo sự công bằng trong tiếp cận chứng cứ đối với đương sự để họ có sự chuẩn bị cần thiết cho việc tranh tụng tại phiên tòa⁷.

Tuy nhiên, vai trò của tòa án nhân dân trong việc thu thập chứng cứ là rất lớn nhưng đều dựa vào nhận định chủ quan của tòa án khi “xét thấy cần thiết” nên dễ dẫn đến sự tùy tiện không thu thập đầy đủ các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Mặc dù tại việc ban hành bản án, quyết định dân sự có sai sót trong thu thập, đánh giá có thể được sửa chữa thông qua thủ tục phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm, tái thẩm nhưng các thủ

tục này mang tính “hậu kiểm”, không ngăn chặn được các sai sót trong quá trình tố tụng liên quan đến thu thập và đánh giá chứng cứ chứng minh.

Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ là phương thức để các bên trao đổi chứng cứ, bổ sung tài liệu, chứng cứ (nếu có); trao đổi ý kiến và xác nhận những vấn đề đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất yêu cầu tòa án giải quyết; trình bày ý kiến về những vấn đề cần thiết khác... Tuy nhiên, cần nghiên cứu tổ chức phiên họp về đánh giá chứng cứ trước phiên tòa sơ thẩm nhằm xác định tính đầy đủ của chứng cứ đối với yêu cầu của các bên cũng như xác định các chứng cứ được sử dụng trong việc giải quyết vụ việc dân sự.

Trong phiên họp này, các bên đều có cơ hội trình bày quan điểm về tính hợp pháp, tính khách quan và tính liên quan của các tài liệu của vụ việc để làm cơ sở cho việc xác định tài liệu nào được sử dụng làm chứng cứ cho việc giải quyết vụ việc, tài liệu nào cần tiếp tục xác minh làm rõ để sử dụng làm chứng cứ. Quyết định của tòa án liên quan đến phiên họp này là quyết định liên quan đến giải quyết vụ việc dân sự và có thể bị khiếu nại như đối với các quyết định tố tụng khác.

Trong vụ án trên, các ý kiến của đương sự và người bảo vệ quyền lợi của đương sự liên quan đến việc thu thập và đánh giá chứng cứ của tòa án sơ thẩm chỉ được trình bày trong phiên phúc thẩm nên đã làm giảm hiệu quả giải quyết vụ việc, quá trình giải quyết tranh chấp kéo dài, lãng phí nguồn lực xã hội.

3. Kết luận

Bài nghiên cứu đã phân tích các khía cạnh của hoạt động đánh giá chứng cứ từ thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong vụ tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản là tiền bồi hoàn đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời vật kiến trúc và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ việc phân tích trên có thể thấy việc thu thập và đánh giá chứng cứ của tòa án sơ thẩm cùng các ý kiến của đương sự và người bảo vệ quyền lợi của đương sự đã làm giảm tính hiệu quả trong việc giải quyết vụ việc, dẫn đến kéo dài quá trình giải quyết tranh chấp, từ đó làm lãng phí nguồn lực xã hội ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN:

¹Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

²Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

³Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

⁴Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Thị Hạnh (2012). Vai trò của thẩm phán trong thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ giải quyết vụ án dân sự. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 4.

⁵Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

⁶Tòa án Nhân dân tối cao (2019). Báo cáo tổng hợp những hạn chế, thiếu sót trong công tác chuyên môn nghiệp vụ năm 2018 của các tòa án thông qua kiểm tra số 15/BC-TA ngày 15/3/2019, tr. 9.

⁷Lương Thị Chung (2020). Bàn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong trường hợp không tiến hành hòa giải được, Cổng Thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, truy cập ngày 11/2/2022.

Ngày nhận bài: 27/9/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/10/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/10/2022

Thông tin tác giả:

TS. NGUYỄN THỊ THU THỦY

Viện Nhà nước và Pháp luật

**EVIDENCE COLLECTION AND EVIDENCE
ASSESSMENT IN CIVIL PROCEEDINGS
AND SOME RELATED ISSUES**

● Ph.D **NGUYEN THI THU THUY**

Institute of State and Law

ABSTRACT:

If evidence is the core element of the entire civil case resolution process, evidence assessment is an activity aimed at exploiting the value of evidence in the process of settling civil cases. This paper analyzes aspects of the assessment of evidence from the practical enforcement of civil procedure provisions in some specific cases.

Keywords: civil proceedings, evidence collection, evidence assessment.